

BẢN TIN HÀNG NGÀY

23 tháng 4 năm 2026



Bị bán tháo đầu phiên chiều, Vn-Index vẫn tăng 13 điểm

- Vn-Index tăng tới hơn 30 điểm trong 30 phút đầu ngày, sau đó giảm dần, thậm chí bị bán tháo đầu phiên chiều, nhưng rồi lại phục hồi và đóng cửa tăng 13 điểm
- Nhóm điện giảm mạnh, trong đó PC1 giảm sàn với dư bán sàn tới hơn 14.5 triệu cổ phiếu
- Ngược lại, 3 ngân hàng nhà nước tăng mạnh, trong đó VCB tăng tới 5.7% do có thông tin sẽ phát hành cho cổ đông chiến lược với giá rất cao
- Vài mã vốn hóa lớn khác tăng mạnh như VIC SAB PVT CTD
- Ngược lại, số mã giảm gấp 2 lần số mã tăng, đa phần cổ phiếu giảm điểm
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 51% so với ngày trước đó

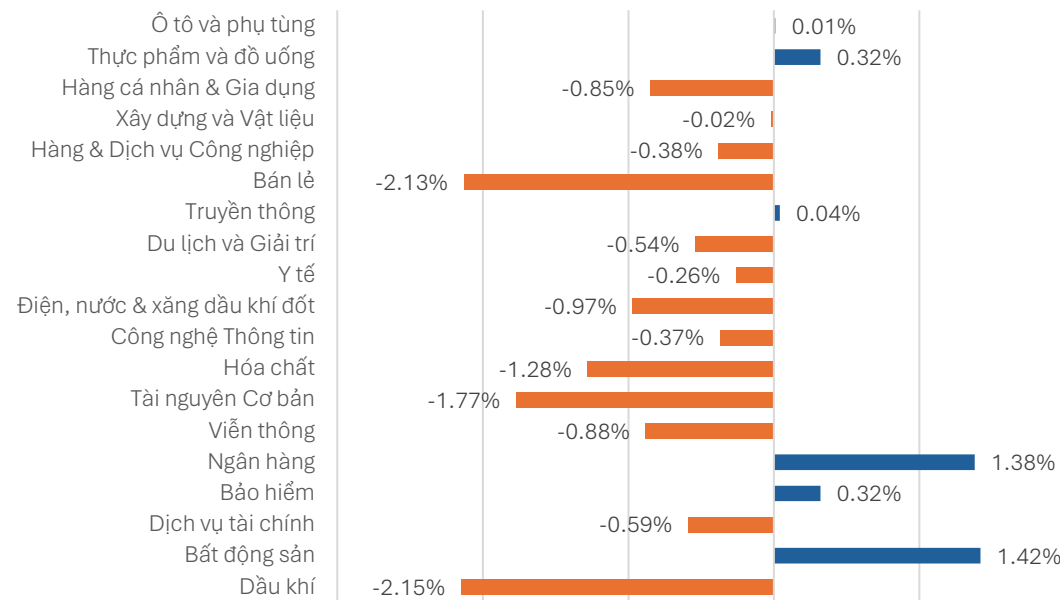


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,870.4	253.2	128.3
(+/-)	13.06	-2.13	-0.55
(%)	0.70%	-0.83%	-0.43%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	7,031	77	43
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	29,278	1,440	618
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,644)	(43)	(0)
Số mã tăng	104	45	87
Số mã giảm	208	100	114
Số mã giá không đổi	60	50	85

1.

Nhận định thị trường

- Theo tìm hiểu của chúng tôi, Vn-Index giảm sốc đầu phiên chiều nay, do có tin đồn kém khả quan với 1 số mã cổ phiếu ngành điện
- Tuy vậy, sau đó đa phần cổ phiếu đã có sự phục hồi khá tốt trong khoảng 1 tiếng cuối phiên chiều, hình thành nền rút chân
- Nếu không tính VIC VCB, nền giá hiện tại của đa phần cổ phiếu đã rất thấp
- Hơn nữa, tâm lý bán trước kỳ nghỉ lễ có lẽ cũng sắp hết, có lẽ là nốt ngày mai. Thường thì 2 ngày cuối trước khi nghỉ lễ, thị trường sẽ tăng điểm
- Hôm nay là thời điểm thích hợp để mua vào
- Nhóm cổ phiếu ưu tiên vẫn là bất động sản, thép, chứng khoán và ngân hàng.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.57	1.82
2	Nguyên vật liệu	16.97	1.69
3	Công nghiệp	13.80	1.90
4	Hàng Tiêu dùng	15.33	2.45
5	Dược phẩm và Y tế	15.87	1.64
6	Dịch vụ Tiêu dùng	22.85	3.86
7	Viễn thông	26.56	6.43
8	Tiện ích Cộng đồng	13.35	1.78
9	Tài chính	23.76	3.00
10	Ngân hàng	9.38	1.55
11	Công nghệ Thông tin	13.61	2.85

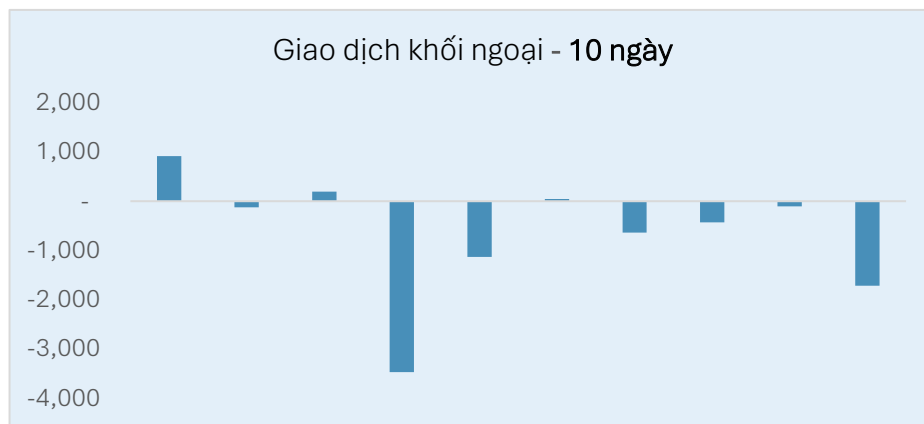
2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
VCB	5.72%	SJS	5.11%	VCI	2.26%	SAB	6.99%	CTD	6.91%	ACG	0.89%	TDM	0.87%	DPR	0.00%
BID	3.35%	VIC	3.52%	TVS	1.47%	BAF	0.82%	VCG	4.85%	PTB	0.10%	TMP	0.58%	VFG	0.00%
CTG	1.72%	KOS	3.24%	DSE	0.42%	DBC	0.65%	HHV	2.79%	NKG	0.00%	SHP	0.15%	AAA	-0.14%
TCB	0.91%	NVL	2.40%	BCG	0.00%	VNM	0.32%	CTR	1.18%	DHC	-1.23%	PGV	0.00%	GVR	-0.46%
MBB	0.76%	HDC	1.36%	DSC	-0.38%	BHN	0.00%	HTI	0.21%	HSG	-1.26%	BWE	0.00%	PHR	-1.30%
HDB	0.19%	TCH	1.18%	SSI	-0.71%	SBT	0.00%	CII	-0.79%	HPG	-1.42%	VSH	0.00%	CSV	-1.85%
TPB	0.00%	VPI	0.34%	FTS	-0.75%	HAG	-0.30%	BMP	-0.93%			HNA	0.00%	DGC	-2.37%
OCB	0.00%	QCG	0.00%	VIX	-1.17%	VHC	-0.32%	VGC	-1.13%			GAS	-0.90%	DCM	-3.23%
NAB	-0.36%	CRE	-0.27%	HCM	-1.65%	MCM	-0.36%	PC1	-6.95%			PPC	-1.29%	DPM	-3.57%
ACB	-0.42%	KDH	-0.39%	VND	-1.81%	MSN	-1.01%					CHP	-1.77%		
VPB	-0.54%	KBC	-0.44%	ORS	-1.87%	ASM	-1.24%					PGD	-1.84%		
VIB	-0.58%	IJC	-0.49%			KDC	-1.47%					POW	-1.92%		
SSB	-0.60%	PDR	-0.62%			VCF	-1.56%					GEG	-2.68%		
LPB	-1.06%	DIG	-0.71%			PAN	-1.85%					NT2	-2.96%		
EIB	-1.10%	VHM	-0.86%			FMC	-1.90%					REE	-4.01%		
MSB	-1.18%	DXS	-0.98%			ANV	-3.01%								
STB	-1.65%	SZC	-1.06%												
SHB	-2.63%	DXG	-1.36%												
		BCM	-1.63%												
		NLG	-1.76%												
		SIP	-2.02%												
		VRE	-3.01%												
		HDG	-3.79%												

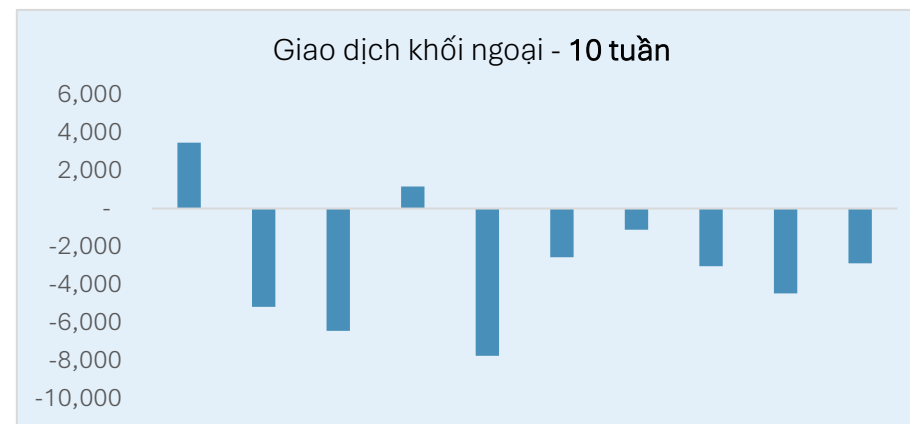
3.

Giao dịch khối ngoại



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	PVT	HOSE	82.19	9.83	72.36
2	VNM	HOSE	101.43	46.94	54.49
3	DCM	HOSE	72.77	39.64	33.13
4	HCM	HOSE	37.92	8.55	29.36
5	IDC	HNX	30.50	4.60	25.89
6	NVL	HOSE	122.04	96.88	25.15
7	SAB	HOSE	56.13	31.02	25.12
8	TCB	HOSE	40.27	17.29	22.98
9	BAF	HOSE	13.56	0.22	13.34
10	MSN	HOSE	99.22	88.50	10.72
11	PC1	HOSE	22.77	12.93	9.85
12	TCH	HOSE	11.84	4.34	7.50
13	HAH	HOSE	17.82	10.49	7.33
14	GMD	HOSE	24.96	18.77	6.19
15	KBC	HOSE	27.12	21.14	5.98



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	53.14	318.97	- 265.82
2	ACB	HOSE	28.57	204.93	- 176.36
3	VHM	HOSE	103.42	275.13	- 171.71
4	VCB	HOSE	325.20	473.74	- 148.55
5	CTG	HOSE	59.30	166.42	- 107.12
6	BSR	HOSE	7.97	109.54	- 101.57
7	GEX	HOSE	24.59	113.30	- 88.71
8	MWG	HOSE	48.32	131.54	- 83.22
9	VPB	HOSE	16.30	92.26	- 75.96
10	VRE	HOSE	38.12	103.81	- 65.70
11	SSI	HOSE	21.94	70.52	- 48.58
12	STB	HOSE	40.92	81.06	- 40.14
13	HDB	HOSE	13.38	53.10	- 39.73
14	NT2	HOSE	2.91	41.95	- 39.04
15	PVS	HNX	9.46	46.11	- 36.66

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	99.03	3.72%	4.47%	62.74%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	85.99	-0.24%	-5.80%	49.76%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,740.15	0.04%	-1.06%	9.58%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,105	0.02%	0.01%	-0.06%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,360	0.02%	0.01%	-0.06%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,600	0.00%	-0.11%	-0.82%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	5.80%	-0.02%	1.96%	4.03%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.50%	0.04%	0.05%	0.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.58%	0.04%	0.04%	0.40%

Chính phủ dự kiến huy động gần 970.000 tỷ đồng năm 2026, nợ công vẫn trong ngưỡng an toàn

Theo kế hoạch vay, trả nợ công năm 2026 do Bộ Tài chính vừa công bố, tổng mức vay của Chính phủ năm 2026 dự kiến đạt khoảng 969.796 tỷ đồng; trong đó, vay để bù đắp bội chi ngân sách chiếm 60% và 39% được sử dụng để trả nợ gốc. Về nghĩa vụ trả nợ, tổng số nợ phải thanh toán trong năm 2026 ước khoảng 534.739 tỷ đồng.

Bộ Tài chính đánh giá các chỉ tiêu an toàn nợ công tiếp tục được kiểm soát trong giới hạn cho phép.

Giá dầu tiếp tục tăng mặc dù lệnh ngừng bắn đã được gia hạn

Khép phiên ngày 22/04, hợp đồng dầu Brent tương lai tăng hơn 3% lên 101.91 USD/thùng, dầu WTI của Mỹ cũng tăng hơn 3% lên 92.96 USD/thùng khi cả Mỹ và Iran tiếp tục phong tỏa eo biển Hormuz.

5.

Bản tin doanh nghiệp



FPT: Lãi ròng FPT tăng hơn 14% trong quý 1, thắng thầu 8 dự án quy mô hơn 10 triệu USD

Công ty cổ phần FPT (FPT) ghi nhận doanh thu quý đầu năm đạt 12.480 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2.804 tỷ đồng, lần lượt tăng 8,7% và 16,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Với kết quả kinh doanh quý I này, FPT đã hoàn thành được hơn 24% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm.

Mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài duy trì tăng trưởng 10,4%, đạt 9.034 tỷ đồng, tiếp tục giữ vai trò chủ chốt với doanh thu kỳ mới đạt 13.833 tỷ đồng, tăng trưởng 22,2%. FPT liên tục thắng thầu 8 dự án lớn (trên 10 triệu USD mỗi dự án)



CTR: Viettel Construction đặt mục tiêu doanh thu, lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay

Năm 2026, Viettel Construction (CTR) đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất vượt 15.653 tỷ đồng, tăng hơn 11% so với năm 2025. LNST dự kiến đạt 622 tỷ đồng, tăng gần 4% so với kết quả cùng kỳ. Đây cũng là con số cao nhất từ trước đến nay mà công ty từng đưa ra với 4 trụ tăng trưởng là vận hành khai thác, xây dựng, giải pháp & dịch vụ kỹ thuật và đầu tư hạ tầng cho thuê. Ngoài ra, năm 2026 CTR sẽ tham gia vào thị trường bất động sản với phân khúc nhà ở xã hội và nhà ở cho lực lượng vũ trang với thương hiệu Viettel Home.



SAB: Lợi nhuận quý 1 tăng trưởng 56%

Sau năm 2025 đầy khó khăn của thị trường bia, Sabeco lên kế hoạch tăng trưởng 12% về doanh thu và 8% về lợi nhuận sau thuế cho năm 2026. Bên cạnh đó, Sabeco tiếp tục duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ở mức 50% trong năm 2026, tương đương 5.000 đồng/cổ phiếu.

Quý 1/2026 SAB ghi nhận LNST đạt 1.245 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, theo đánh giá của SAB, giá nguyên liệu tăng cao sẽ bắt đầu có ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh trong những quý tiếp theo.

6.

Lịch sự kiện

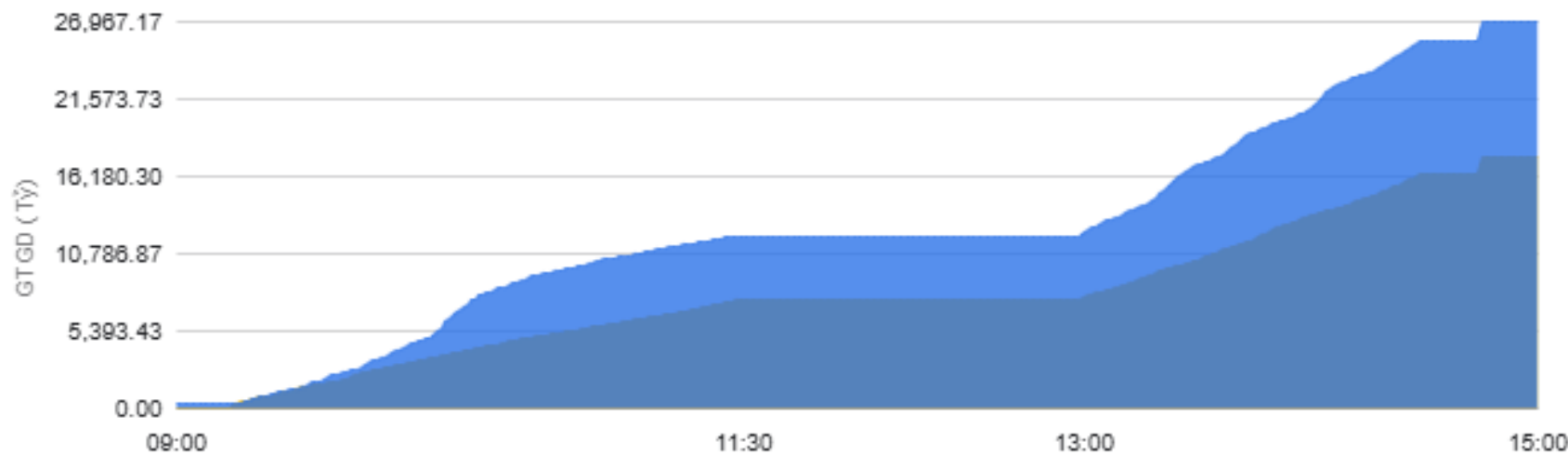
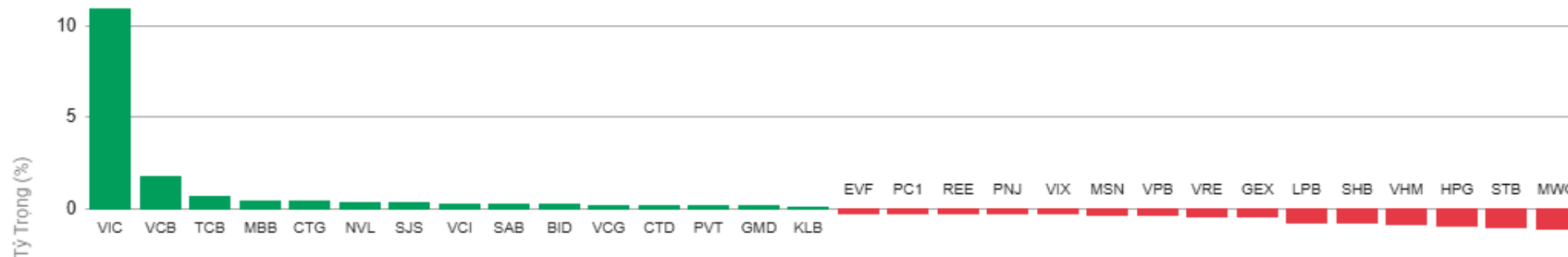
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
HMH	28/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CCM	29/04/2026	23/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
RAL	29/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
TJC	29/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	90.00%	9,000
EID	04/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17.00%	1,700
TIP	04/05/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.00%	200
HSG	04/05/2026	04/05/2026	Phát hành cổ phiếu	30.00%	
PSC	04/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7.00%	700
MDG	05/05/2026	05/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
PDB	05/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	40.00%	4,000
MTP	07/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
ANI	08/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
PEQ	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
SFN	11/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
SSC	19/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



● Tổng GTGD Hôm Nay ● Tổng GTGD Hôm Qua

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (23/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	27,400	24.1%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,300	44.1%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,300	11.1%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,400	15.1%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,500	22.3%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,600	21.0%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,500	13.2%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	62,800	14.6%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	41,600	14.7%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	65,400	-10.2%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	27,800	23.0%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	16,150	15,700	2.9%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,500	10.0%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	74,200	20.5%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	22,100	24.2%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	56,800	32.7%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (23/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,950	61.0%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	25,600	64.1%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	14,500	43.4%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,080	69.5%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	34,200	18.4%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	54,300	52.9%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	29,050	3.3%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	149,000	-41.5%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,700	29.4%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,050	15.9%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	23,800	25.0%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,700	4.4%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	86,700	1.1%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	146,700	15.9%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	84,500	27.2%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	31,650	28.0%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

